

보다

hơn — chuẩn so sánh

Gắn vào đối tượng được dùng làm mốc so sánh, chứ không gắn vào bên hơn. Tiếng Việt nói “A cao hơn B”, đặt “hơn B” ở sau; tiếng Hàn đặt B보다 lên trước tính từ, đảo ngược trật tự bạn quen dùng.

Cách kết hợp

Cấu trúc	Dạng	Ví dụ
So sánh cơ bản	A는 B보다 tính từ	오늘은 어제보다 더워요
Với 더	nhấn mạnh, không bắt buộc	어제보다 더 더워요
Kém hơn	bắt buộc có 덜	어제보다 덜 더워요
Với động từ	더 đứng trước động từ	커피보다 차를 더 좋아해요
Mọi danh từ	보다 — không biến đổi	생각보다 쉬웠어요
So sánh nhất dùng	제일 / 가장 thay thế	제일 커요 — không phải 보다 제일

Khi nào dùng

Cấu trúc so sánh trong tiếng Hàn là A는 B보다 (더) 형용사. 보다 nằm trên B, tức là cái mốc. 오늘은 어제보다 더워요 — hôm nay nóng hơn hôm qua.

더 (“hơn”) không bắt buộc, vì 보다 đã báo hiệu sự so sánh. Thêm vào thì rất phổ biến và nhấn mạnh thêm một chút. Từ ngược nghĩa 덜 (“kém”) thì không thể bỏ — thiếu nó sẽ không có cách nào nói kém hơn: 오늘은 어제보다 덜 추워요.

Tiếng Hàn khá linh hoạt về vị trí của hai danh từ, nên 어제보다 오늘이 더워요 cũng được. Điều không bao giờ thay đổi là chính 보다: nó luôn bám vào cái mốc. Nếu xác định được đâu là mốc so sánh, bạn sẽ biết trật tự đặt ở đâu.

Ví dụ trong câu

- 1

오늘이 어제보다 더 더워요.
Hôm nay nóng hơn hôm qua.
- 2

이것보다 저게 더 싸요.
Cái kia rẻ hơn cái này.
- 3

생각보다 어렵지 않았어요.
Không khó như tôi đã nghĩ.
- 4

말보다 행동이 중요해요.
Hành động quan trọng hơn lời nói.
- 5

버스보다 지하철이 빨라요.
Tàu điện ngầm nhanh hơn xe buýt.
- 6

작년보다 덜 바빠요.
Tôi bớt bận hơn năm ngoái.

So sánh với

제일 / 가장

보다 so sánh hai đối tượng; 제일 và 가장 chọn ra cái nhất trong cả nhóm. Chúng không thể xuất hiện trong cùng một mệnh đề.

이 책이 저 책보다 재미있어요. (trong hai cuốn) / 이 책이 제일 재미있어요. (trong tất cả)

만큼

보다 nói cái này vượt hơn cái kia; 만큼 nói chúng ngang nhau. Cùng vị trí, kết luận khác nhau.

형보다 커요. (cao hơn anh trai) / 형만큼 커요. (cao bằng anh trai)

처럼

처럼 nói cái này giống cái kia; 보다 đo mức độ chênh lệch giữa chúng.

가수처럼 노래해요. (hát như ca sĩ) / 가수보다 잘해요. (hát hay hơn ca sĩ)

Lưu ý

- X

저는 커피보다 차가 더 좋아해요.
- O

저는 커피보다 차를 더 좋아해요.
보다 không thay đổi những gì phần còn lại của câu cần. 좋아하다 vẫn cần tân ngữ với 을/를.
- X

이 책은 저 책보다 제일 재미있어요.
- O

이 책이 제일 재미있어요.
제일 đã có nghĩa là “nhất trong tất cả”, nên không thể đi cùng phép so sánh giữa hai đối tượng. Hãy chọn một trong hai.
- X

오늘은 어제보다 안 더워요.
- O

오늘은 어제보다 덜 더워요.
안 phủ định hoàn toàn — “không nóng” — làm mất phép so sánh. Để nói “kém hơn”, tiếng Hàn cần 덜.